

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 1414 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 29 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng công trình đấu nối 110 Kv sau trạm biến áp 220 Kv, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2019; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành bảng giá đất điều chỉnh một số đoạn đường, tuyến đường, một số vị trí đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2019; Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất (k) năm 2016 để tính thu tiền sử dụng đất và thu tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh về Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 304/TTr-STNMT ngày 22 tháng 8 năm 2017,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng công trình đầu nối 110 Kv sau trạm biến áp 220 kV, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp.

1. Các thông tin về thửa đất cần định giá

- Vị trí khu đất: Thuộc địa bàn xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Tổng diện tích là: 4.638,8 m², gồm 33 thửa/26 hộ được chia thành 04 nhóm:

+ Nhóm 1: Gồm 19 thửa đất tiếp giáp với đường nhựa (QL14) nằm xen kẽ trong khu dân cư (gồm các thửa đất số 1, 2, 4, 10 thuộc tờ bản đồ số 3; thửa đất số 9, 11 thuộc tờ bản đồ số 2; thửa đất số 1, 2, 5 thuộc tờ bản đồ số 4; thửa đất số 1 thuộc tờ bản đồ số 5; từ thửa đất số 1 đến thửa đất số 9 thuộc tờ bản đồ số 6).

+ Nhóm 2: Gồm 02 thửa đất tiếp giáp với đường nhựa nằm xen kẽ trong khu dân cư (thửa đất số 2 thuộc tờ bản đồ số 5; thửa đất số 3 thuộc tờ bản đồ số 3).

+ Nhóm 3: Gồm 07 thửa đất tiếp giáp với đường bê tông (thửa đất số 1 thuộc tờ bản đồ số 7; thửa đất số 18, 22, 25, 30, 32, 35 thuộc tờ bản đồ số 2).

+ Nhóm 4: Gồm 05 thửa đất tiếp giáp với đường đất (thửa đất số 14, 18, 19, 24, 27 thuộc tờ bản đồ số 1).

- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

- Mục đích định giá đất: Tính tiền bồi thường.

2. Giá đất áp dụng để phục vụ công tác bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng hạng mục công trình trên như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Số thửa, tờ bản đồ	Vị trí	Phạm vi chiều sâu	Giá đất cụ thể
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nhóm 1	Tổng số 19 thửa đất (gồm các thửa đất số 1, 2, 4, 10 thuộc tờ bản đồ số 3; thửa đất số 9, 11 thuộc tờ bản đồ số 2; thửa đất số 1, 2, 5 thuộc tờ bản đồ số 4; thửa đất số 1 thuộc tờ bản đồ số 5)	Tiếp giáp đường QL 14 nằm xen kẽ trong	- Phạm vi chiều sâu từ lộ giới mép giao thông đến mét thứ 30.	215.000
			- Phạm vi chiều sâu từ trên mét thứ 30 đến mét thứ 50.	143.000

STT	Số thửa, tờ bản đồ	Vị trí	Phạm vi chiều sâu	Giá đất cụ thể
	5; từ thửa đất số 1 đến thửa đất số 9 thuộc tờ bản đồ số 6)	khu dân cư	- Phạm vi chiều sâu từ trên mét thứ 50 đến mét thứ 70.	96.000
			- Chiều sâu từ trên mét thứ 70.	32.000
Nhóm 2	Tổng số 2 thửa đất (thửa đất số 2 thuộc tờ bản đồ số 5, thửa đất số 3 thuộc tờ bản đồ số 3)	Tiếp giáp đường nhựa nằm xen kẽ trong khu dân cư	- Phạm vi chiều sâu từ lộ giới mép giao thông đến mét thứ 30.	184.000
			- Phạm vi chiều sâu từ trên mét thứ 30 đến mét thứ 50.	122.000
			- Phạm vi chiều sâu từ trên mét thứ 50 đến mét thứ 70.	82.000
			- Chiều sâu từ trên mét thứ 70.	28.000
Nhóm 3	Tổng số 7 thửa đất (thửa đất số 01 thuộc tờ bản đồ số 7; thửa đất số 18, 22, 25, 30, 32, 35 thuộc tờ bản đồ số 2)	Tiếp giáp với đường bê tông	- Phạm vi chiều sâu từ lộ giới mép giao thông đến mét thứ 50.	21.000
			- Chiều sâu từ trên mét thứ 50.	19.000
Nhóm 4	Tổng số 5 thửa đất (thửa đất số 14, 18, 19, 24, 27 thuộc tờ bản đồ số 01)	Tiếp giáp với đường đất	- Phạm vi chiều sâu từ lộ giới mép giao thông đến mét thứ 50.	19.000
			- Chiều sâu từ trên mét thứ 50.	17.000

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Giao UBND huyện Đắk R'lấp; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp căn cứ vị trí thửa đất thu hồi của dự án để tính toán tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình trên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk R'lấp; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Đắk

Nông; Thủ trưởng các đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.*cr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTKH (Va).

05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng



Phụ lục
CHI TIẾT GIÁ ĐẤT CỤ THỂ LÀM CĂN CỨ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 1414 QĐ/UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m².

STT	Tên chủ sử dụng đất	Mảnh trích đo địa chính	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Đất nông nghiệp			
						Tiếp giáp đường QL 14	Tiếp giáp đường nhựa	Tiếp giáp đường bê tông	Tiếp giáp đường đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Vũ Đức Phương	1	14	528,6	CLN				19
			18	300,7	CLN				19
2	Đặng Văn Giang	1	19	162,4	CLN				19
3	Phùng Văn Thế	1	24	167,2	CLN				19
			27	89,7	CLN				19
4	Nguyễn Đình Sửu	2	9	299,2	CLN	215			
			11	288,7	CLN	215			
5	Đồng Văn Lượng	2	18	416,7	CLN			21	
6	Trần Vũ Long	2	22	87	CLN			21	
			25	86,8	CLN			21	
7	Phạm Thành Lát	2	30	107,7	CLN			21	
			35	214	CLN			21	
8	Phạm Thị Thúy	2	32	106,3	CLN			21	
9	Đỗ Hiệp Sơn	3	1	328,3	CLN	215			
10	Trương Văn Tuyên	3	2	214,9	CLN	215			
11	Phạm Thị Mừng	3	3	49	CLN		184		
12	Nguyễn Thị Sáu	3	4	87	CLN	215			
13	Phạm Minh Xuyên	3	10	236,2	CLN	215			
14	Võ Văn Thành	4	1	25	CLN	215			
15	Võ Văn Thiều	4	2	43,4	CLN	215			
16	Phạm Văn Luận	4	5	25	CLN	215			
17	Nguyễn Hữu Nhuận	5	1	25	CLN	215			
18	Phạm Ngọc Thạch	5	2	25	CLN		184		
19	Nguyễn Ngọc Anh Bảo	6	1	18,7	CLN	215			
20	Phùng Nga	6	2	18,3	CLN	215			
			4	12,4	CLN	215			
21	Nguyễn Thị Sen	6	3	8,2	CLN	215			
22	Bùi Đức Trọng	6	5	25	CLN	215			
23	Nguyễn Đắc Quỳnh Anh	6	6	4,1	CLN	215			
24	Đỗ Mạnh Thân	6	7	150,9	CLN	215			
			9	291,6	CLN	215			
25	Nguyễn Chí Đại	6	8	170,8	CLN	215			
26	Phạm Văn Trịnh	7	1	25	CLN			21	

Ghi chú: Diện tích của các thửa đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc, cắm mốc phân lô ngoài thực địa. 